TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 53/2022/HC-PT
Ngày: 09/3/2022.
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;
Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường ;
Ông Hồ Sỹ Hưng;

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử P thẩm vụ án hành chính thụ lý số 218/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TB.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1473/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2022 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn HN, xã TP, huyện HH, tỉnh TB; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Vũ Thị L: Bà Lê Thị P; địa chỉ: Thôn Thôn Hương Xá, xã P Khánh, huyện HH, tỉnh TB; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Bảo hiểm xã hội tỉnh TB.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm QT- Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TB.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm QT: Bà Nguyễn THN- Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TB (Văn bản ủy quyền số 1416/UQ –BHXH ngày 08/7/2020 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TB); vắng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội huyện HH. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng NG- Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện HH, tỉnh TB; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình người khởi kiện là bà Vũ Thị L trình bày: Bà vào ngành giáo dục từ tháng 9/1983 và nhận nhiệm vụ là giáo viên trường mầm non xã TP, huyện HH, tỉnh TB đến 6/2018 bà nghỉ hưu. Quá trình đóng bảo hiểm của bà là 23 năm 05 tháng.

Theo bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội số sổ BHXH 26030002347 do Bảo hiểm xã hội tỉnh TB cấp cho bà khi nghỉ hưu thể hiện quá trình đóng bảo hiểm của bà từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 (thời gian 07 năm) hệ số 1,4. Tháng 01/2002, bà tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội theo Quyết định số 81/QĐ-UBND của UBND huyện HH. Từ tháng 01/2012, bà đã được xếp mã nghạch 15a205 và đóng bảo hiểm theo hệ số lương 3,00. Ngày 01/8/2014 bà đóng bảo hiểm theo hệ số lương 3,33. Ngày 01/8/2017, bà đóng bảo hiểm theo hệ số lương 3,66. Đến tháng 6/2018, bà được nghỉ hưu để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội theo quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND huyện HH và hệ số lương của bà là 3,66. Tuy nhiên, khi Bảo hiểm xã hội tỉnh TB ra quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019 có gửi kèm theo 01 Bản quá trình đóng Bảo hiểm xã hội theo Sổ BHXH số 26030002347 lại thể hiện quá trình đóng bảo hiểm của bà từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 (thời gian 07 năm) quy ra tiền Việt Nam là 490.000 đồng theo Công văn số 2150/GDĐT-BHXH là không đúng dẫn đến tỷ lệ lương hưu hàng tháng của bà bị giảm 526.364 đồng và truy thu của bà là 12 tháng là 6.717.032 đồng là không đúng. Việc Bảo hiểm xã hội tự điều chỉnh lương của bà từ hệ số sang tiền đồng Việt Nam mà không thông báo cho bà biết đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Bảo hiểm xã hội tỉnh TB căn cứ vào Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Công văn số 227 ngày 28/3/2019 của liên ngành Sở giáo dục và đào tạo - Bảo hiểm xã hội tỉnh TB để ra quyết định điều chỉnh chế độ hưu trí của bà là không đúng vì Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam không có quyền phủ quyết việc truy đóng bảo hiểm xã hội đối với giáo viên mầm non. Theo Công văn 2150/GDĐT-BHXH của bộ giáo dục đào tạo, Bảo hiểm xã hội ngày 22/3/2004 tại mục 5 công văn nêu rõ "*Tất cả những người làm việc trong các cơ sở có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được cơ quan bảo hiểm xã hội cấp sổ bảo hiểm xã*

hội phiếu khám chữa bệnh và được hưởng chế độ như công nhân viên chức nhà nước". Công văn số 227 ngày 28/3/2019 của liên ngành Sở Giáo dục và đào tạo - Bảo hiểm xã hội tỉnh TB ban hành là công văn để báo cáo xin ý kiến của UBND tỉnh không đủ làm căn cứ lý do để bảo hiểm xã hội ra quyết định điều chỉnh lương cho bà được.

Do Bảo hiểm xã hội tỉnh TB tự quy đổi thời gian đóng bảo hiểm của bà thời gian năm 1995 đến năm 2001 từ hệ số đóng bảo hiểm là 1,4 sang tiền đồng Việt Nam là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh TB về việc điều chỉnh chế độ hưu trí để bà được hưởng lại mức lương thực tế đã lĩnh đến tháng 5/2019.

Tại đơn đề nghị ngày 06/01/2021, người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị L - Bà Lê Thị P trình bày: Giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2001, bảo hiểm của giáo viên mầm non thuộc loại hình bắt buộc, Bảo hiểm xã hội tỉnh TB đã ghi sổ bảo hiểm bằng hệ số và thu đủ tiền của các giáo viên bằng hệ số. Các giáo viên được đóng tiền truy thu theo Điều 17 Nghị định số 73 của Chính phủ là đúng quy định. Bảo hiểm xã hội tỉnh TB đã thực hiện truy thu tiền của giáo viên theo Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004, Hướng dẫn số 61/HD-LN ngày 20/02/2003 và Hướng dẫn số 30/HD-LN ngày 11/01/2006 là đúng không sai ở điểm nào. Bảo hiểm xã hội huyện HH tự ý làm lại sổ bảo hiểm khi chưa có sự đồng ý của giáo viên là sai. Thu tiền của giáo viên không có biên lai, chứng từ là không đúng trình tự. Trong việc điều chỉnh lương hưu của giáo viên Bảo hiểm xã hội tỉnh TB không có dân chủ. Bảo hiểm xã hội tỉnh báo cáo do sai sót nghiệp vụ, hiểu văn bản không đúng dẫn đến ghi sổ bảo hiểm sai, vậy Bảo hiểm xã hội tỉnh TB sai thì phải bồi thường hoàn toàn không thể bắt giáo viên phải chịu trách nhiệm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L, hủy Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh TB.

Người bị kiện Bảo hiểm xã hội tỉnh TB có ý kiến trình bày: Bà Vũ Thị L là GVMN Trường Mầm non TP, huyện HH, được tham gia đóng BHXH từ tháng 01/2002 theo Quyết định số 81/2002/QĐ-UB và Quyết định số 84/2002/QĐ-UB của UBND tỉnh. Mức tiền lương đóng BHXH hệ số 1,4, bà Vũ Thị L có quá trình truy thu BHXH như sau:

Cách tính theo hệ số:

- Tháng 4/2006 thực hiện truy thu BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001, theo Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo và BHXH Việt Nam, số tiền truy đóng BHXH theo mức tiền lương và ghi sổ BHXH là hệ số 1,4 tính theo mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm thu nộp. Số tiền truy thu như sau: Hệ số 1,4 x 350.000 đồng x 84 tháng x

15% = 6.174.000 đồng *(Mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng được quy định tại Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ);* Tổng số tiền truy thu theo quy định (trước khi điều chỉnh) là 6.174.000 đồng.

Cách tính theo tiền Việt Nam đồng:

Thực hiện Công văn số 3085/BHXH-CSXH, BHXH tỉnh đã kiểm tra, rà soát và điều chỉnh mức tiền lương làm căn cứ đóng và ghi sổ BHXH của bà L từ hệ số sang mức tiền đồng Việt Nam và số tiền phải truy đóng BHXH theo đúng như sau:

Từ tháng 01/1995 - 12/2001 là 84 tháng, mức tiền lương bằng 490.000 đồng (hệ số 1,4 x 350.000 đồng). Số tiền truy đóng là: 490.000 đồng x 84 tháng x 15% = 6.174.000 đồng *(Mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng được quy định tại Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ);* Tổng số tiền truy thu theo quy định (sau khi điều chỉnh) là: 6.174.000 đồng. Như vậy, số tiền truy đóng BHXH của bà Vũ Thị L tính theo mức tiền lương hệ số, quy đổi sang theo mức tiền đồng Việt Nam theo lương tối thiểu không thay đổi. Đến tháng 5/2018 bà L có tổng thời gian tham gia BHXH là 23 năm 5 tháng, bà L được nghỉ việc hưởng lương hưu từ tháng 6/2018.

Việc thu và ghi sổ BHXH đối với bà L giai đoạn từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 theo mức tiền lương bằng hệ số 1,4 là do sai sót về nghiệp vụ, không đúng quy định tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo - BHXH Việt Nam dẫn đến việc giải quyết chế độ hưu trí chưa đúng quy định của Luật BHXH. Trường hợp của bà L khi giải quyết hưu trí theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật BHXH số 58/2014/QH13 là chưa đúng quy định mà phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật bảo hiểm xã hội mới đúng quy định.

Ngày 16/8/2018, BHXH Việt Nam có Công văn số 3085/BHXH-CSXH về việc chấn chỉnh công tác giải quyết chế độ BHXH đối với GVMN, các bà mẹ, bà dì thuộc Làng trẻ em SOS Việt Nam, BHXH tỉnh đã ban hành Công văn số 1860/BHXH-QLT ngày 31/8/2018 chỉ đạo BHXH huyện, thành phố kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quá trình đóng BHXH của giáo viên mầm non và thực hiện điều chỉnh mức tiền lương ghi sổ BHXH đối với giáo viên mầm non đang tham gia BHXH từ mức lương theo hệ số sang mức lương theo tiền đồng Việt Nam đối với thời gian truy thu BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001.

Khi điều chỉnh lại mức tiền lương đóng BHXH từ hệ số sang tiền đồng Việt Nam ghi trên sổ BHXH thì diễn biến tiền lương của bà L có 02 quá trình: Vừa có thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định (*tiền đồng Việt Nam*), vừa có thời gian đóng BHXH thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định (*lương theo hệ số*), thì việc giải quyết lương hưu đối với bà Vũ Thị L phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62

Luật BHXH số 58/2014/QH13 (*tính bình quân tiền lương tháng đóng BHXH chung của các thời gian,trong đó thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng quyết định thì tính bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của toàn bộ thời gian; thời gian đóng theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định được tính bình quân theo tiền lương tháng đóng BHXH của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu, có hồ sơ cách tính lương hưu kèm theo*), tính bình quân tiền lương giải quyết hưu trí cho bà Vũ Thị L theo 02 quá trình:

Một là: Thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001: Bà L có thời gian đóng là 84 tháng, mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH là 490.000 đồng (*tiền đồng Việt Nam*).

Theo quy định của Luật BHXH và các văn bản hướng dẫn, khi giải quyết lương hưu mức tiền lương đóng BHXH của bà L (*bằng tiền đồng Việt Nam*) được điều chỉnh trên cơ sở chỉ số giá tiêu dùng của từng thời kỳ theo quy định tại Điều 63 Luật BHXH số 58/2014/QH13; Điều 10 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ (*hệ số điều chỉnh của năm 2018 quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).*

Tổng thời gian đóng BHXH và tổng mức tiền lương đóng BHXH của bà L được tính cụ thể như sau:

Mức lương đóng BHXH x Mức điều chỉnh x Thời gian đóng BHXH.

Từ 01/1995 đến 12/1995, Thời gian: 12 tháng - Mức lương: 490.000 đồng

490.000 x 3,87 x 12 = 22.755.600 đồng

Từ 01/1996 đến 12/1996, Thời gian: 12 tháng - Mức lương: 490.000 đồng

490.000 x 3,66 x 12 = 21.520.800 đồng

Từ 01/1997 đến 12/1997, Thời gian: 12 tháng - Mức lương: 490.000 đồng

490.000 x 3,54 x 12 = 20.815.200 đồng

Từ 01/1998 đến 12/1998, Thời gian: 12 tháng - Mức lương: 490.000 đồng

490.000 x 3,29 x 12 = 19.345.200 đồng

Từ 01/1999 đến 12/1999, Thời gian: 12 tháng - Mức lương: 490.000 đồng

490.000 x 3,15 x 12 = 18.522.000 đồng

Từ 01/2000 đến 12/2000, Thời gian: 12 tháng - Mức lương: 490.000 đồng

490.000 x 3,2 x 12 = 18.816.000 đồng.

Từ 01/2001 đến 12/2001, Thời gian: 12 tháng - Mức lương: 490.000 đồng.

490.000 x 3,21 x 12 = 18.874.800 đồng.

Tổng thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định: 84 tháng (07 năm).

Tổng số tiền do người sử dụng lao động quy định: 140.649.600 đồng.

(22.755.600 + 21.520.800 + 20.815.200 + 19.345.200 + 18.522.000 + 18.816.000 + 18.874.800).

Hai là: Thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định từ tháng 01/2002 đến tháng 5/2018: Mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của bà L theo hệ số thang bảng lương Nhà nước. Mức bình quân tiền lương của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu của bà L bằng 4.233.667 đồng bao gồm lương chính, phụ cấp chức vụ và phụ cấp thâm niên ngành.

Khi giải quyết lương hưu cho bà L, trước hết phải tính bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu: Theo quy định tại Điều 20, Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH. *Tiền lương tháng đóng BHXH là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có). Tiền lương này được tính trên mức lương cơ sở tại thời điểm tính mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH*.

Lương chính:

Hệ số lương chính x Mức lương cơ sở x Thời gian đóng BHXH.

(Mức lương cơ sở tại thời điểm là 1.300.000 đồng được quy định tại Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính Phủ)

Từ 06/2012 đến 07/2014, Thời gian: 26 tháng - Mức lương: 3

3 x 1.300.000 x 26 = 101.400.000 đồng

Từ 08/2014 đến 07/2017, Thời gian: 36 tháng - Mức lương: 3,33

3,33 x 1.300.000 x 36 = 155.844.000 đồng

Từ 08/2017 đến 05/2018, Thời gian: 10 tháng - Mức lương: 3,66

3,66 x 1.300.000 x 10 = 47.580.000 đồng

Tổng cộng là:

101.400.000 + 155.844.000 + 47.580.000 = 304.824.000 đồng.

Mức bình quân của 06 năm cuối là: 304.824.000/72 tháng = 4.233.667 đồng.

Sau đó lấy mức lương bình quân của 06 năm cuối trên nhân với tổng số thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định.

Tổng thời gian công tác trong khối nhà nước: 197 tháng (16 năm 05 tháng).

Tổng số tiền trong khối nhà nước: 4.233.667 x 197 = 834.032.333 đồng.

Lương bình quân (chung cả 2 quá trình).

Tính bình quân tiền lương tháng đóng BHXH chung của toàn bộ thời gian 281 tháng (23 năm 05 tháng), trong đó:

Tổng số tháng đóng BHXH theo mức tiền lương (*tiền đồng Việt Nam*) do người sử dụng lao động quyết định là 84 tháng (07 năm).

Tổng số tháng đóng BHXH theo hệ số lương do Nhà nước quy định là 197 tháng (16 năm 05 tháng).

Tổng số tiền lương do người sử dụng lao động quy định là: 140.649.600 đồng.

Tổng số tiền lương thuộc đối tượng do Nhà nước quy định là: 834.032.333 đồng.

(140.649.600 đồng + 834.032.333 đồng) : (84 tháng + 197 tháng) = 3.468.619 đồng.

Lương hưu hàng tháng sau điều chỉnh lần thứ hai:

3.468.619 đồng x 62% = 2.150.544 đồng; sau đó được điều chỉnh tăng 10,97% theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 153/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ: (2.150.544 đồng x 10,97% = 235.915 đồng + 2.150.544 đồng = 2.386.458 đồng); thời điểm hưởng từ tháng 6/2018.

Như vậy, khi điều chỉnh lương hưu theo các văn bản quy định nêu trên thì tiền lương hưu hằng tháng của bà Vũ Thị L bị giảm đi 526.364 đồng/01tháng (*từ mức 2.912.822 đồng/tháng, xuống mức 2.386.458 đồng/tháng*); trong đó số tiền chênh lệch phải thu hồi từ tháng 6/2018 đến tháng 5/2019 do điều chỉnh lương hưu đối với bà L là 6.717.032 đồng, đến ngày 10/7/2020 bà Vũ Thị L đã nộp được 3.000.000 đồng vào quỹ BHXH.

Ngày 28/3/2019 Liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo - BHXH tỉnh có Công văn số 227/LN-SGD&ĐT-BHXH báo cáo UBND tỉnh về việc giải quyết chế độ BHXH đối với GVMN ngoài biên chế Nhà nước trước khi triển khai thực hiện điều chỉnh lại tiền lương hưu hàng tháng và phương án thu hồi số tiền chênh lệch lương hưu đã hưởng về quỹ BHXH, vì điều kiện mức lương hưu của mỗi người có hoàn cảnh khác nhau nên Bảo hiểm xã hội tỉnh TB điều chỉnh truy thu theo phương thức 1 lần hoặc thu 30% lương/tháng. Sau buổi tiếp dân UBND tỉnh chỉ đạo Bảo hiểm xã hội tỉnh linh hoạt mức thu của giáo viên mầm non nên Bảo hiểm xã hội tỉnh đã có văn bản chỉ đạo bảo hiểm các huyện mức truy thu tối thiểu là 100.000 đồng/tháng, nếu trường hợp nào có nguyện vọng nộp tiền truy thu 100% thì thu 100%. Do đó, ngày 10/01/2020, BHXH tỉnh có Công văn số 58/BHXH-CĐBHXH chỉ đạo BHXH huyện về việc thu tiền chênh lệch lương hưu của giáo viên mầm non, theo đó yêu cầu BHXH huyện tiếp tục gặp gỡ, tuyên truyền, đối thoại, giải thích các nội dung kiến nghị của giáo viên mầm non và thực hiện linh hoạt mức thu hàng tháng thấp nhất là 100.000 đồng/ tháng cho đến khi thu đủ số tiền phải thu về quỹ BHXH sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng người nhằm giảm bớt khó khăn, bảo đảm cuộc sống của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh.

Quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Căn cứ quy định Luật Bảo hiểm xã hội các văn bản quy định của pháp luật nêu trên, Bảo hiểm xã hội tỉnh TB khẳng định việc ban hành Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TB về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Vũ Thị L là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, công bằng về quyền lợi hưởng bảo hiểm xã hội của giáo viên mầm non trong cả nước. Những sai sót của tập thể, cá nhân trong việc ghi sổ bảo hiểm và truy thu tiền của giáo viên mần non bằng hệ số đã được Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội tỉnh TB xem xét, xử lý theo thẩm quyền, đảm bảo nghiêm túc, đúng quy định. Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TB xem xét bác đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện HH trình bày: Việc điều chỉnh cách ghi số tiền đóng bảo hiểm xã hội của bà Vũ Thị L giai đoạn từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 là đúng quy định, trước đây do sai sót nghiệp vụ đã ghi sai nên nay điều chỉnh lại cho đúng, việc bà L yêu cầu hủy Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019, giữ nguyên mức lương hưu trước khi điều chỉnh là không có cơ sở. Bảo hiểm xã hội huyện HH đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TB không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TB đã quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 23, Điều 54, Điều 56, khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995, Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 và Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004 của Bộ giáo dục và Đào tạo - Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Xử: Bác đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019 về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Vũ Thị L của Bảo hiểm xã hội tỉnh TB.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021, người khởi kiện là bà Vũ Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa P thẩm:

Người kháng cáo là bà Vũ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là bà Lê Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; và có văn bản trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử P thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng*:* Ngày 28/5/2019, bà Vũ Thị L nhận được Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh TB. Ngày 28/5/2020, bà L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh TB về việc điều chỉnh chế độ hưu trí. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh TB thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019.

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định Quyết định số 597/QĐ-BHXH: Bảo hiểm xã hội tỉnh TB ban hành Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019 là đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

[2.2] Về nội dung: Bà Vũ Thị L là giáo viên mầm non trường mầm non TP, huyện HH được tham gia đóng BHXH từ tháng 01/2002 theo quy định tại Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính Phủ (*quy định giáo viên mầm non ngoài công lập có ký hợp đồng lao động thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc*); Thông tư số 26/2000/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 20/10/2000 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính (*hướng dẫn thực hiện chế độ BHXH đối với lao động làm việc trong các cơ sở ngoài công lập thuộc các ngành giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao*); Quyết định số 81/2002/QĐ-UB và Quyết định số 84/2002/QĐ-UB của UBND tỉnh TB. Mức tiền lương đóng BHXH của bà L theo hệ số 1,4.

Ngày 22/3/2004, liên ngành Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Công văn số 2150/GDĐT-BHXH hướng dẫn truy thu BHXH đối với các trường hợp "*Người lao động đã có thời gian làm việc liên tục tại các cơ sở mầm non từ trước hoặc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 mà chưa tham gia đóng bảo hiểm xã hội thì có thể đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian từ tháng 1/1995 đến khi đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Mức đóng bằng 15% mức tiền lương tính trên mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm thu, nộp"*. Như vậy, mức tiền lương làm căn cứ truy đóng và ghi sổ BHXH đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước là mức lương bằng tiền đồng.

Tuy nhiên, ngày 11/01/2006 liên ngành Giáo dục & Đào tạo - Bảo hiểm xã hội tỉnh ban hành Văn bản hướng dẫn số 30/HD-LN, hướng dẫn việc truy thu BHXH, BHYT đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế, theo đó quy định mức tiền lương làm căn cứ truy đóng và ghi sổ BHXH đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước là mức lương bằng hệ số. Bảo hiểm xã hội tỉnh TB thực hiện truy thu và ghi sổ BHXH đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước theo mức lương bằng hệ số; số tiền truy đóng BHXH = Hệ số lương x tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm truy đóng x 15% x tổng số tháng truy đóng. Trường hợp của bà L, Bảo hiểm xã hội tỉnh TB ghi mức tiền lương làm căn cứ truy đóng và ghi sổ BHXH theo hệ số 1,4 và số tiền truy đóng BHXH của bà L = 6.174.000 đồng.

[2.3] Quá trình điều chỉnh lương hưu đối với bà L: Thực hiện Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về chấn chỉnh công tác giải quyết chế độ BHXH đối với giáo viên mầm non... Bảo hiểm xã hội tỉnh TB tổ chức kiểm tra, rà soát việc truy thu, giải quyết chế độ BHXH đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước, phát hiện có 2.591 trường hợp ghi mức tiền lương truy đóng trên sổ BHXH không đúng quy định tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH (ghi mức tiền lương làm căn cứ truy đóng BHXH bằng hệ số mà không ghi bằng tiền đồng) nên đã thực hiện điều chỉnh lại mức tiền lương làm căn cứ truy đóng BHXH trên sổ BHXH đối với 2.591 trường hợp (trong đó 1.617 người đang công tác, 974 người đã nghỉ hưu trong đó có bà L). Đối với trường hợp của bà L, phải điều chỉnh lại cách ghi sổ BHXH theo mức tiền lương làm căn cứ truy đóng BHXH, từ hệ số lương 1,4 sang tiền đồng là 490.000 đồng (mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm thu nộp là 350.000 đồng); số tiền truy đóng BHXH của bà L sau khi điều chỉnh = 6.174.000 đồng (không thay đổi).

Khi điều chỉnh lại tiền lương ghi trên sổ BHXH (đối với thời gian truy đóng BHXH) của giáo viên mầm non thì dẫn đến việc giải quyết lương hưu thay đổi. Vì theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, cách tính lương hưu được thực hiện trên cơ sở mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của người lao động: Người lao động có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo mức tiền lương bằng hệ số thì khi giải quyết chế độ hưu trí thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Người lao động có thời gian đóng BHXH vừa theo mức tiền lương bằng hệ số, vừa theo mức tiền lương bằng tiền đồng thì khi giải quyết chế độ hưu trí thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Vì vậy, trường hợp của bà L khi điều chỉnh lại mức tiền lương ghi trên sổ BHXH thì toàn bộ thời gian đóng BHXH của bà L có 02 quá trình lương: Một là thời gian truy đóng BHXH (từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001) mức tiền lương làm căn cứ truy đóng BHXH bằng tiền đồng; hai là thời gian đóng BHXH (từ tháng 01/2002 đến tháng 5/2018) mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bằng hệ số. Do đó, việc giải quyết chế độ hưu trí đối với bà L phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Bảo hiểm xã hội tỉnh TB đã ban hành Quyết định số 597/QĐ-BHXH, điều chỉnh lương hưu cho bà L là có căn cứ. Tiền lương hưu hằng tháng của bà L bị giảm đi 526.364 đồng/tháng (*từ mức 2.912.822 đồng/ tháng, xuống mức 2.386.458 đồng/tháng*); số tiền chênh lệch phải thu hồi từ tháng 6/2018 đến tháng 5/2019 là 6.717.032 đồng là có căn cứ. Đến ngày 10/7/2020, bà L đã nộp được 3.000.000 đồng vào quỹ BHXH. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở; Hội đồng xét xử P thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L.

[3] Về án phí: Bà Vũ Thị L được miễn án hành chính P thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TB.

Áp dụng: khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 23, Điều 54, Điều 56, khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995, Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 và Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004 của Bộ giáo dục và Đào tạo - Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Xử: Bác đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 597/QĐ-BHXH ngày 11/5/2019 về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Vũ Thị L của Bảo hiểm xã hội tỉnh TB.

Về án phí: Miễn án phí hành chính P thẩm cho bà Vũ Thị L; hoàn trả số tiền 300.000 đồng cho bà L (Lê Thị P nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005022 ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh TB.

Bản án hành chính P thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Cường **Hồ Sỹ Hưng** **Lê Thị Thúy Bình**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh TB;
- Cục THADS tỉnh TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình